TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 827/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 18 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 827/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa:

Bà Bùi Thị T, sinh năm 1968

Ông Vũ Văn T, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: 80/29 đường D, phường T, quận T, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Bùi Thị T, sinh năm 1968

Ông Vũ Văn T, sinh năm 1961

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Vũ Văn T thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân chấm dứt theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 023 ngày 20/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh N kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: có 03 con chung tên Võ Thị Huyền T sinh ngày 20/10/1992; Võ Thị Huyền L sinh ngày 13/10/1994; Võ Thị Huyền N sinh ngày 08/4/2007. Hai trẻ Võ Thị Huyền T và Võ Thị Huyền L đã trưởng thành và phát triển bình thường. Bà T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Huyền N sinh ngày 08/4/2007. Toãn hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T do bà T không có yêu cầu.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trúc trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

2.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nghĩa vụ dân sự: Hai bên xác nhận không có.

2.5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0012608 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, nên hoàn lại cho bà T 150.000 đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND xã V, huyện Y, tỉnh N.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Viết Hoàng Lâm